

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
C -Đ
TỈNH Đ**

Bản án số 02/2026/DS-ST
Ngày 15- 01-2026
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN C -Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn B

2. Bà Bùi Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ K, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực C - Đ.

Trong ngày 15/01/2026, tại Tòa án nhân dân C –Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2025/TB-TLVA, ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2025/QĐXXST-DS, ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Ngọc A, sinh năm 1975;

Chủ Hộ kinh doanh C

Địa chỉ: Số nhà 1491, tổ 58, khóm 5, phường M, tỉnh Đ.

- Bị đơn:

1. Huỳnh Công M, sinh năm 1991;

2. Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ 18, khóm C, phường M, tỉnh Đ.

Bà Trần Ngọc A và Huỳnh Công M có mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của Trần Ngọc A trình bày:

Bà Trần Ngọc A – Chủ Hộ kinh doanh C (Cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất C). Bán cho ông Huỳnh Công M và bà Cẩm T vật tư xây dựng nhà ở từ ngày 16/11/2022 đến ngày 19/3/2024, ông M đã nhiều lần mua vật tư gồm: Gạch dán tường, gạch lát nền, bồn nước, bồn cầu, thiết bị vệ sinh, sơn nước, đồ điện, tổng số tiền 240.813.000 đồng, các lần mua vật tư này đều có hóa

đơn giao nhận hàng và ký nhận thể hiện qua các lần giao hàng tổng 30 hóa đơn cụ thể như sau:

1. Hóa đơn ngày 16/11/2022 số tiền 9.309.000 đồng;
2. Hóa đơn ngày 18/11/2022 số tiền 23.281.000 đồng;
3. Hóa đơn ngày 28/11/2022 số tiền 4.622.000 đồng;
4. Hóa đơn ngày 01/12/2022 số tiền 7.555.000 đồng;
5. Hóa đơn ngày 04/11/2022 số tiền 4.100.000 đồng;
6. Hóa đơn ngày 05/12/2022 số tiền 8.485.000 đồng;
7. Hóa đơn ngày 08/12/2022 số tiền 13.856.000 đồng;
8. Hóa đơn ngày 09/12/2022 số tiền 3.100.000 đồng;
9. Hóa đơn ngày 13/12/2022 số tiền 11.030.000 đồng;
10. Hóa đơn ngày 17/12/2022 số tiền 5.742.000 đồng;
11. Hóa đơn ngày 17/12/2022 số tiền 5.850.000 đồng;
12. Hóa đơn ngày 28/12/2022 số tiền 8.826.000 đồng;
13. Hóa đơn ngày 29/12/2022 số tiền 4.017.000 đồng;
14. Hóa đơn ngày 15/03/2023 số tiền 6.344.000 đồng;
15. Hóa đơn ngày 15/03/2023 số tiền 920.000 đồng;
16. Hóa đơn ngày 15/03/2023 số tiền 7.188.000 đồng;
17. Hóa đơn ngày 16/03/2023 số tiền 12.240.000 đồng;
18. Hóa đơn ngày 17/03/2023 số tiền 12.240.000 đồng;
19. Hóa đơn ngày 22/03/2023 số tiền 8.329.000 đồng;
20. Hóa đơn ngày 22/03/2023 số tiền 5.260.000 đồng;
21. Hóa đơn ngày 25/03/2023 số tiền 3.504.000đồng;
22. Hóa đơn ngày 27/03/2023 số tiền 32.580.000 đồng;
23. Hóa đơn ngày 31/03/2023 số tiền 4.252.000 đồng;
24. Hóa đơn ngày 01/04/2023 số tiền 1.668.000 đồng;
25. Hóa đơn ngày 18/04/2023 số tiền 2.900.000 đồng;
26. Hóa đơn ngày 21/04/2023 số tiền 11.700.000 đồng;
27. Hóa đơn ngày 02/05/2023 số tiền 7.010.000 đồng;
28. Hóa đơn ngày 06/05/2023 số tiền 4.000.000 đồng;
29. Hóa đơn ngày 08/05/2023 số tiền 4.905.000 đồng;
30. Hóa đơn ngày 19/03/2024 số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2022, ông M có trả cho bà A 20.000.000 đồng, ông M nói giao đồ xong ông trả dứt điểm. Khi giao xong hết ông M không trả tiền. Ông M đã rất nhiều lần hứa hẹn chờ đáo hạn ngân hàng, chờ bán đất là sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trên và sẽ trả lãi suất theo tiền vay ngân hàng cho bà A số tiền vì đã trả chậm, bà A đã rất nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền nhưng ông M bảo bán đất chờ bom cát mới lấy được tiền. Tháng 6/2025, bà A gặp ông M và bà Cẩm T, ông M hứa trả đỡ cho bà A 01 tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ đây

đến tết có tiền là ông trả dứt điểm, ngày 01/7/2025 ông M có chuyển trả 5.000.000 đồng rồi không trả nữa, số tiền còn nợ là 215.813.000 đồng. Nay Trần Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T trả cho Trần Ngọc A số tiền vốn 215.813.000 đồng. Yêu cầu tính lãi số tiền gốc 214.000.000 đồng, tính từ ngày 19/6/2023 đến ngày 19/9/2025, lãi suất 7.2%/năm, số tiền lãi suất 34.668.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi nào trả hết nợ với lãi suất vay Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bà A thống nhất cho ông M, bà T 10.000.000 đồng tiền lãi, yêu cầu trả tiền lãi 24.668.000 đồng.

- *Đối với ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Do bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân C -Được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân C -Đtiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3]. *Về nội dung:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trần Ngọc A – Chủ Hộ kinh doanh C (Cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất C). Bán cho ông Huỳnh Công M và bà Cẩm T vật tư xây dựng nhà ở từ ngày 16/11/2022 đến ngày 19/3/2024, ông M đã nhiều lần mua vật tư gồm: Gạch dán tường, gạch lát nền, bồn nước, bồn cầu, thiết bị vệ sinh và sơn nước, đồ điện, tổng số tiền 240.813.000 đồng, các lần mua vật tư này đều có hóa

đơn giao nhận hàng và ký nhận thể hiện qua các lần giao hàng tổng 30 hóa đơn. Ngày 16/11/2022, ông M có trả cho bà A 20.000.000 đồng, ngày 01/7/2025 ông M có chuyển trả 5.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 215.813.000 đồng. Nay Trần Ngọc A yêu cầu ông M và bà T trả số tiền còn nợ là 215.813.000 đồng và tại phiên tòa ông Huỳnh Công M thống nhất trả cho bà Trần Ngọc A số tiền gốc 215.813.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi số tiền gốc 214.000.000 đồng (*số nợ trước là 214.000.000 đồng, nợ phát sinh sau 1.813.000 đồng, tổng cộng 215.813.000 đồng*), nhưng bà Trần Ngọc A yêu cầu tính lãi của số tiền 214.000.000 đồng, tính từ ngày 19/6/2023 đến ngày 19/9/2025, lãi suất 7.2%/năm, thời hạn 27 tháng, số tiền lãi suất 34.668.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Trần Ngọc A thống nhất giảm bớt tiền lãi cho ông M, bà T số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại phải trả là 24.668.000 đồng và tại phiên tòa ông Huỳnh Công M thống nhất trả cho bà Trần Ngọc A số tiền lãi số tiền 24.668.000 đồng, do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc A yêu cầu ông M, bà T trả tiền lãi số tiền 24.668.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T: Tòa án nhân dân C -Đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nhưng đến nay bà T không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện bà T từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc A.

Buộc ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Ngọc A số tiền gốc 215.813.000 đồng và tiền lãi 24.668.000 đồng, tổng cộng 240.481.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.024.050 đồng (lấy số tròn 12.024.000 đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, Điều 430 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị A.

Buộc ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị A số tiền 240.481.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm tám mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công M và bà Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới chịu án phí số tiền 12.024.000 đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị A tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.262.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0006825, ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

